|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS GIANG BIÊN  **TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**  **NĂM HỌC 2023 – 2024**  **Môn: KHTN – Lớp 6**  *Thời gian làm bài 60 phút* |

**A. KHUNG MA TRẬN**

**1. Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra cuối học kì 1 khi kết thúc nội dung chương VII: Đa dạng thế giới sống

**2. Thời gian làm bài:** 60 phút.

**3. Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).

**4. Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *(gồm 5 câu hỏi: Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

- Nội dung từ đầu học kì 1 đến hết chương VII: *Gồm các chủ đề 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 = 66 tiết*

**B. CHI TIẾT MA TRẬN**

**1. Ma trận**

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ** | | | | | | | | **Tổng số ý/câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | ***12*** |
| **1. Mở đầu về KHTN (đo thời gian, đo nhiệt độ, đo chiều dài, đo khối lượng)**  **( 10 tiết)** |  |  |  | 4  (1,0) |  |  |  |  |  | 4 | **1,0** |
| **2. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực thực phẩm thông dụng: tính chất và ứng dụng của chúng ( 8 tiết)** |  | 2  (0,5) | 1/2  (0,5) |  |  |  |  |  | 1/2 | 2 | **1,0** |
| **3. Hỗn hợp, tách chất ra khỏi hỗn hợp**  **( 4 tiết)** |  | 2  (0,5) | 1/2  (1,0) |  |  |  |  |  | 1/2 | 2 | **1,5** |
| **4. Tế bào ( 9 tiết)** | 1  (1,0) | 4  (1,0) |  |  |  |  |  |  | 1 | 4 | **2,0** |
| **5. Từ tế bào đến cơ thể ( 6 tiết)** |  |  |  | 1  (0,25) |  |  |  |  |  | 1 | **0,25** |
| **6.Đa dạng thế giới sống ( 11 tiết)** | 1  (1,0) |  |  | 1  (0,25) | 1  (1,5) | 2  (0,5) | 1  (1,0) |  | 3 | 3 | **4,25** |
| **Tổng số ý/câu** | **2** | **8** | **1** | **6** | **1** | **2** | **1** |  | **5** | **16** | **10,00** |
| **Điểm số** | **2,0** | **2,0** | **1,5** | **1,5** | **1,5** | **0,5** | **1,0** |  | **6,0** | **4,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**2. Đặc tả ma trận**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Câu) | TN  Câu) |
| ***1.* Mở đầu về KHTN *Các phép đo (10 tiết)*** | | | | | | |
| - Đo chiều dài, khối lượng  và thời gian  - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ | **Nhận biết**  **Thông hiểu** | - ***Thông hiểu***  Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ)  – Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.  – Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.  – Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo.  - Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản |  | **4** |  | C1,2,3,4 |
| ***2. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)*** | | | | | | |
| – Một số vật liệu  – Một số nhiên liệu  – Một số nguyên liệu  – Một số lương thực – thực phẩm | **Nhận biết** | –Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. |  | **2** |  | C5,6 |
| **Thông hiểu** | – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,...  – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ...  – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ...  – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống. | **1**  **(0,5đ)** |  | C18b |  |
| ***3. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch*. *Tách chất ra khỏi hỗn hợp* (4 tiết)** | | | | | | |
|  | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm hỗn hợp.  – Nêu được khái niệm chất tinh khiết.  – Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch.  – Nhận ra được một số các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước. |  | **2** |  | C7,8 |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được dung môi và dung dịch.  – Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất.  – Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương.  – Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước.  – Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó. | **1**  **(0,5đ)** |  | C18a |  |
| ***4. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống (9 tiết)*** | | | | | | |
| – Khái niệm tế bào  – Hình dạng và kích thước tế bào  – Cấu tạo và chức năng tế bào  – Sự lớn lên và sinh sản của tế bào  – Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm tế bào.  - Nêu được chức năng của tế bào.  - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.  - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.  - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.  - Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật.  - Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ. | **1** | **4** | C17 | C9,10,11,12 |
| **Thông hiểu** | – Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào.  – Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.  – Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → *n* tế bào). |  |  |  |  |
| ***5. Từ tế bào đến cơ thể (6 tiết)*** | | | | | | |
| – Từ tế bào đến mô  – Từ mô đến cơ quan  – Từ cơ quan đến hệ cơ quan  – Từ hệ cơ quan đến cơ thể | **Thông hiểu** | - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô.  - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ quan.  - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên hệ cơ quan.  - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ thể. |  | **1** |  | C15 |
| **Vận dụng bậc thấp** | - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô. Từ đó, nêu được khái niệm mô.  - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ quan. Từ đó, nêu được khái niệm cơ quan.  - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên hệ cơ quan. Từ đó, nêu được khái niệm hệ cơ quan.  - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ thể. Từ đó, nêu được khái niệm cơ thể. |  |  |  |  |
| ***6. Đa dạng thế giới sống -* (11 tiết)** | | |  |  |  |  |
|  | **Nhận biết** | – Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học.  - Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein) và vi khuẩn.  - Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn.  - Nêu được một số bệnh do virus và vi khuẩn gây ra. | **1** |  | C20 |  |
|  |  |
|  |  |
| **Thông hiểu** | - Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.  - Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.  - Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống.  - Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào).  - Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.  - Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra. |  | **1** |  | C16 |
| **Vận dụng bậc thấp** | – Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân và thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật.  – Dựa vào sơ đồ, nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới.  - Vận dụng được hiểu biết về virus và vi khuẩn để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn. | **1** | **2** | C19 | C13,14 |
|  |
| **Vận dụng cao** | - Thực hành quan sát và vẽ được hình vi khuẩn quan sát được dưới kính hiển vi quang học.  - Vận dụng được hiểu biết về virus và vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu, …)  - Biết cách làm sữa chua, muối dưa, làm kim chi,... | **1** |  | C21 |  |